TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T H1** **THNH PHỐ H N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh P***
Số: **70**/2019/QĐST-HNGĐ	*T H1, ngày 11 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H1, THNH PHỐ H N

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh ngày 03 tháng 4 năm 2019.

Sau khi nghiên cứu H1 sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 80/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

A Vũ Đức T, sinh năm 1983

HKTT và cư trú: B22 – TT8, khu đô thị V Q, Yên P, phường V Q, quận H Đông, H N.

- Chị Nguyễn Phương H, sinh năm 1984

HKTT và cư trú: Số 74, T K, phường T K, quận T H1, H N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] A Vũ Đức T và chị Nguyễn Phương H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/7/2008 tại UBND phường T K, quận T H1, THnh phố H N. A chị chung sống hạnh P đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong cách sống, không tìm được sự đồng thuận trong mọi việc. Từ tháng 7/2017 đến nay A chị sống ly thân. Nay xác định vợ cH1ng không thể đoàn tụ nên cùng thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của A T, chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: A chị có hai con chung là Vũ Nguyễn My A sinh ngày 04/9/2008 và Vũ Nguyễn Huyền Vy sinh ngày 06/3/2011. A, chị thỏa thuận sau khi ly hôn chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung. A T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đồng /tháng (mỗi con 2.000.000đ/1 tháng) kể từ tháng 4/2019 cho đến khi con chung tHnh niên (đủ 18

tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác. A T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và công nợ chung: A, chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2] Về lệ phí: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: A Vũ Đức T và chị Nguyễn Phương H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: A Vũ Đức T và chị Nguyễn Phương H có hai con chung là Vũ Nguyễn My A sinh ngày 04/9/2008 và Vũ Nguyễn Huyền Vy sinh ngày 06/3/2011.

Giao chị Nguyễn Phương H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là Vũ Nguyễn My A sinh ngày 04/9/2008 và Vũ Nguyễn Huyền Vy sinh ngày 06/3/2011.

A Vũ Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 4.000.000đồng /tháng (mỗi con 2.000.000đ/01tháng) từ tháng 4/2019 cho đến khi con chung tHnh niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác. A T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: A chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về các vấn đề khác: A chị xác định không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Phương H tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 06928 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi Hnh án dân sự quận T H1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND q.T H1;
- UBND phường T K, quận T H1, H N (số 85-2008, quyển 1);
- Lưu: H1 sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN